CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 08 /2022/CBTT-TTCT	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253, Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Hồng Vân

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: ☒ Định kỳ ☐ Bất thường ☐ 24 giờ ☐ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 của Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công *(theo file đính kèm)*

Toàn bộ tài liệu này được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của công ty tại đường dẫn (link) sau: https://ttchospitality.vn/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

M.S.D.N: 3500753423-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG ★ Q.TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

PHAN THỊ HỒNG VÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG
DN: E=INFO@VINAGOLF.VN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3500753423, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG, L=TPHCM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.03.31 18:28:06+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 54

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đình Việt	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 6 tháng 2 năm 2022
Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021 miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2022
Bà Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2021
Ông Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021

TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	
Ông Vũ Viết Bản	Thành viên	
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	từ ngày 11 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Vinh	đến ngày 10 tháng 5 năm 2021

Ông Đặng Đình Việt được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định số 02B/2022/QĐ-CTHĐQT ngày 26 tháng 2 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 3500753423 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG - T.P HỒ CHÍ MINH

Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61454124/22632488/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Vũ Trường	Đặng Minh Tài
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1	Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**364.609.098.397**	**325.743.247.707**
110	***I. Tiền***	***4***	***4.337.878.882***	***33.509.813.240***
111	1. Tiền		4.337.878.882	33.509.813.240
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***355.734.076.848***	***290.656.882.288***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.923.868.926	42.117.614.526
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	118.781.615.275	46.605.464.566
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	66.620.000.000	82.010.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	152.523.150.214	120.623.390.864
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(4.134.640.275)	(719.670.376)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		20.082.708	20.082.708
140	***III. Hàng tồn kho***	***9***	***790.655.590***	***1.042.124.108***
141	1. Hàng tồn kho		790.655.590	1.042.124.108
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***3.746.487.077***	***534.428.071***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	362.794.259	334.061.940
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	3.376.766.692	78.416.210
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	6.926.126	121.949.921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.335.537.909.477**	**1.216.135.986.210**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***10.750.000.000***	***35.000.000***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	10.750.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	-	35.000.000
220	***II. Tài sản cố định***		***129.623.297.019***	***138.817.380.070***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	100.665.528.918	108.657.924.617
222	Nguyên giá		173.606.536.558	177.725.305.506
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(72.941.007.640)	(69.067.380.889)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	28.957.768.101	30.159.455.453
228	Nguyên giá		40.916.735.812	40.976.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.958.967.711)	(10.817.280.359)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***1.560.047.836***	***1.836.037.336***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.560.047.836	1.836.037.336
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***1.183.305.282.303***	***1.057.923.450.193***
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	946.756.579.312	1.022.015.534.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	248.554.784.724	43.734.954.724
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.006.081.733)	(7.827.038.843)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***10.299.282.319***	***17.524.118.611***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	10.299.282.319	17.524.118.611
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.700.147.007.874**	**1.541.879.233.917**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**515.202.901.931**	**361.049.307.137**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***341.714.463.803***	***256.139.025.172***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	12.775.865.396	31.976.545.328
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	47.491.251.979	6.951.667.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.545.784.559	4.292.222.742
314	4. Phải trả người lao động		12.202.637	2.645.281.029
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.527.085.701	6.039.369.913
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	67.290.910	142.743.630
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	65.348.899.880	52.811.849.274
320	8. Vay ngắn hạn	21	209.470.556.019	150.803.818.748
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		475.526.722	475.526.722
330	***II. Nợ dài hạn***		***173.488.438.128***	***104.910.281.965***
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	12.373.000.000	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	14.002.404.716	14.182.404.716
338	3. Vay dài hạn	21	147.113.033.412	90.727.877.249
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.184.944.105.943**	**1.180.829.926.780**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***22***	***1.184.944.105.943***	***1.180.829.926.780***
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*972.766.080.000*	*972.766.080.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.998.503.791	94.884.324.628
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*94.884.324.628*	*64.139.417.091*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*4.114.179.163*	*30.744.907.537*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.700.147.007.874**	**1.541.879.233.917**

Nguyễn Thị Hồng Liên
Người lập

Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng

Đặng Đình Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	125.199.541.569	231.726.955.143
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	(2.720.455)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	125.199.541.569	231.724.234.688
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(123.882.178.797)	(162.977.176.681)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.317.362.772	68.747.058.007
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	82.938.674.809	35.589.238.424
22	7. Chi phí tài chính	25	(34.029.072.493)	(22.072.076.410)
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(29.845.816.613)*	*(19.910.619.412)*
25	8. Chi phí bán hàng	26	(7.268.222.923)	(13.037.124.204)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(38.726.123.119)	(44.728.913.019)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.232.619.046	24.498.182.798
31	11. Thu nhập khác	27	578.537.041	8.400.021.622
32	12. Chi phí khác	27	(696.976.924)	(728.935.627)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(118.439.883)	7.671.085.995
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.114.179.163	32.169.268.793
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(1.424.361.256)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.114.179.163	30.744.907.537

M.S.D.N: 3500753423 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG - Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Hồng Liên	Bùi Tấn Khải	Đặng Đình Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.114.179.163**	**32.169.268.793**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	6.498.680.817	6.582.881.049
03	Dự phòng		7.594.012.789	2.440.801.897
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(896.056)	(4.524.517)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(82.938.210.981)	(35.730.267.426)
06	Chi phí lãi vay	25	29.845.816.613	19.910.619.412
08	**(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(34.886.417.655)**	**25.368.779.208**
09	Tăng các khoản phải thu		(81.932.959.884)	(108.624.718.815)
10	Giảm hàng tồn kho		251.468.518	331.782.445
11	Tăng các khoản phải trả		39.249.807.264	56.266.214.091
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		7.196.103.973	(12.825.918.634)
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.941.038.595)	(18.218.252.017)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.037.211.672)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(3.887.939.215)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(100.100.248.051)**	**(61.590.052.937)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(406.421.328)	(1.536.833.012)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		29.800.000	209.768.348
23	Tiền chi cho vay		(86.650.000.000)	(166.030.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		91.290.000.000	112.052.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(129.560.875.000)	(55.950.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		44.350.370.000	65.325.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.836.903.976	30.157.354.173
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(44.110.222.352)**	**(15.772.710.491)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	469.325.469.173	298.143.909.949
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(354.273.575.739)	(245.651.112.449)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(15.672.250)	(910.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**115.036.221.184**	**52.491.887.500**
50	**Giảm tiền thuần trong năm**		**(29.174.249.219)**	**(24.870.875.928)**
60	**Tiền đầu năm**		**33.509.813.240**	**58.376.164.651**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.314.861	4.524.517
70	**Tiền cuối năm**	**4**	**4.337.878.882**	**33.509.813.240**

Nguyễn Thị Hồng Liên	Bùi Tấn Khải	Đặng Đình Việt
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 167 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 191).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	10 - 25 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí bảo hiểm; và
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty bằng (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

3.16 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	85.278.852	109.425.587
Tiền gửi ngân hàng	4.220.314.380	33.385.617.653
Tiền đang chuyển	32.285.650	14.770.000
TỔNG CỘNG	**4.337.878.882**	**33.509.813.240**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	10.524.776.238	10.969.372.382
Công ty TNHH Lữ hành Pegas Misr Việt Nam	*3.441.687.945*	*3.128.320.445*
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt Nam	*2.556.256.525*	*2.556.256.525*
Khác	*4.526.831.768*	*5.284.795.412*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	11.399.092.688	31.148.242.144
TỔNG CỘNG	**21.923.868.926**	**42.117.614.526**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.590.502.326)	(175.532.427)
GIÁ TRỊ THUẦN	**18.333.366.600**	**41.942.082.099**

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	175.532.427	59.279.027
Dự phòng trích lập trong năm	3.414.969.899	116.253.400
Số cuối năm	3.590.502.326	175.532.427

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên khác	61.441.806.904	2.167.364.462
Công ty Cổ phần khách sạn Hoàng Cung	*60.000.000.000*	-
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Việt Á	*531.200.000*	*531.200.000*
Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ	-	*264.830.900*
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	*246.927.608*
Khác	*910.606.904*	*1.124.405.954*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	57.339.808.371	44.438.100.104
TỔNG CỘNG	**118.781.615.275**	**46.605.464.566**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(134.315.460)	(134.315.460)
GIÁ TRỊ THUẦN	**118.647.299.815**	**46.471.149.106**

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**66.620.000.000**	**82.010.000.000**
Các bên khác	16.500.000.000	16.500.000.000
Bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	50.120.000.000	65.510.000.000
Dài hạn	**10.750.000.000**	-
Bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	10.750.000.000	-
TỔNG CỘNG	**77.370.000.000**	**82.010.000.000**

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

5.1 *Các khoản cho vay ngắn hạn*

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

Bên đi vay	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	38.770.000.000	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2022 đến ngày 29 tháng 12 năm 2022	10,8
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	1.750.000.000	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2022 đến ngày 29 tháng 12 năm 2022	11
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Ngày 8 tháng 5 năm 2022	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	9.600.000.000	Ngày 11 tháng 11 năm 2022	10,8
TỔNG CỘNG	**66.620.000.000**		

5.1 *Các khoản cho vay dài hạn*

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay dài hạn được trình bày như sau:

Bên đi vay	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*
	VND		*%/năm*
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	10.750.000.000	Ngày 5 tháng 10 năm 2023	11

8. PHẢI THU KHÁC

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**152.523.150.214**	**120.623.390.864**
Ký quỹ	61.231.629.600	58.115.500.000
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	39.832.833.646	38.067.662.625
Tạm ứng cho nhân viên	48.542.134.881	20.360.296.793
Lãi cho vay phải thu	2.894.148.501	1.145.148.496
Khác	22.403.586	2.934.782.950
Dài hạn	**-**	**35.000.000**
Ký quỹ	-	35.000.000
TỔNG CỘNG	**152.523.150.214**	**120.658.390.864**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(409.822.489)	(409.822.489)
GIÁ TRỊ THUẦN	**152.113.327.725**	**120.248.568.375**

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nguyên vật liệu	456.854.504	644.628.851
Hàng hóa	333.801.086	248.189.013
Công cụ, dụng cụ	-	149.306.244
TỔNG CỘNG	**790.655.590**	**1.042.124.108**

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**362.794.259**	**334.061.940**
Chi phí bảo hiểm	81.542.210	130.842.800
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	34.717.641	110.225.257
Khác	246.534.408	92.993.883
Dài hạn	**10.299.282.319**	**17.524.118.611**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.065.009.173	2.875.188.315
Chi phí sửa chữa	148.960.724	434.849.747
Chi phí hợp tác kinh doanh *(*)*	8.000.000.000	14.000.000.000
Khác	85.312.422	214.080.549
TỔNG CỘNG	**10.662.076.578**	**17.858.180.551**

(*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu năm	140.051.313.497	13.300.962.285	18.683.091.825	2.107.703.487	3.582.234.412	177.725.305.506
Mua trong năm	-	160.988.328	-	-	245.433.000	406.421.328
Xóa sổ	-	(130.172.094)	-	-	-	(130.172.094)
Thanh lý	-	(44.700.000)	(4.350.318.182)	-	-	(4.395.018.182)
Số cuối năm	140.051.313.497	13.287.078.519	14.332.773.643	2.107.703.487	3.827.667.412	173.606.536.558
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*2.223.548.547*	*2.583.256.420*	-	*1.509.262.543*	-	*6.316.067.510*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	50.714.062.792	7.506.431.103	7.090.689.201	1.584.324.932	2.171.872.861	69.067.380.889
Khấu hao trong năm	2.888.195.496	764.572.775	1.443.195.496	77.208.552	170.487.810	5.343.660.129
Xóa sổ	-	(34.712.560)	-	-	-	(34.712.560)
Thanh lý	-	(16.837.000)	(1.418.483.818)	-	-	(1.435.320.818)
Số cuối năm	53.602.258.288	8.219.454.318	7.115.400.879	1.661.533.484	2.342.360.671	72.941.007.640
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	89.337.250.705	5.794.531.182	11.592.402.624	523.378.555	1.410.361.551	108.657.924.617
Số cuối năm	86.449.055.209	5.067.624.201	7.217.372.764	446.170.003	1.485.306.741	100.665.528.918
Trong đó:						
Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)	-	-	*8.799.871.972*	-	-	*8.799.871.972*

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	38.892.426.817	1.336.000.000	748.308.995	40.976.735.812
Xóa sổ	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Số cuối năm	38.892.426.817	1.276.000.000	748.308.995	40.916.735.812
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	9.952.832.507	491.691.582	372.756.270	10.817.280.359
Hao mòn trong năm	995.057.676	123.358.248	36.604.764	1.155.020.688
Xóa sổ	-	(13.333.336)	-	(13.333.336)
Số cuối năm	10.947.890.183	599.716.490	411.361.038	11.958.967.711
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	28.939.594.310	844.308.418	375.552.725	30.159.455.453
Số cuối năm	27.944.536.634	676.283.510	336.947.957	28.957.768.101

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Khác	89.100.000	365.089.500
TỔNG CỘNG	**1.560.047.836**	**1.836.037.336**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 14.1)*	946.756.579.312	1.022.015.534.312
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 14.2)*	248.554.784.724	43.734.954.724
TỔNG CỘNG	**1.195.311.364.036**	**1.065.750.489.036**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(12.006.081.733)	(7.827.038.843)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.183.305.282.303**	**1.057.923.450.193**

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 *Đầu tư vào công ty con*

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty liên kết	*Tình trạng hoạt động*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Chi phí đầu tư (VND)	*Dự phòng*	*% sở hữu*	*Chi phí đầu tư (VND)*	*Dự phòng*	*% sở hữu*
Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	-	100	483.295.516.000	-	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	-	100	442.218.911.050	-	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	-	77.419.955.000	-	74,8
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	-	100	13.081.152.262	-	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Dịch vụ lữ hành	5.000.000.000	(781.163.107)	100	5.000.000.000	-	100
Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	-	100	1.000.000.000	-	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	2.161.000.000	(1.440.672.513)	100			100
GIÁ TRỊ THUẦN			**946.756.579.312**	**(2.221.835.620)**		**1.022.015.534.312**	**-**	

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	*Tình trạng hoạt động*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Chi phí đầu tư (VND)	*Dự phòng*	*% sở hữu*	*Chi phí đầu tư (VND)*	*Dự phòng*	*% sở hữu*
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	(9.784.246.113)	49,00	24.772.623.054	(7.827.038.843)	49,00
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	-	20,80	18.962.331.670	-	20,80
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	23.160.325.000	-	22,38	-	-	-
Công ty Cổ phần năng lượng sạch Ninh Thuận	Đang hoạt động	Năng lượng mặt trời	110.998.205.000	-	44,43	-	-	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Đang hoạt động	Bất động sản	70.661.300.000	-	42,17			-
GIÁ TRỊ THUẦN			**248.554.784.724**	**(9.784.246.113)**		**43.734.954.724**	**(7.827.038.843)**	

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	7.619.740.997	24.326.201.201
Các bên khác	5.156.124.399	7.650.344.127
TỔNG CỘNG	**12.775.865.396**	**31.976.545.328**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**47.491.251.979**	**6.951.667.786**
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	44.717.405.470	3.528.339.243
Các bên khác	2.773.846.509	3.423.328.543
Công ty TNHH Agoda International Việt Nam	*293.474.633*	*428.589.416*
Khác	*2.480.371.876*	*2.994.739.127*
Dài hạn		
Bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	12.373.000.000	-
TỔNG CỘNG	**59.864.251.979**	**6.951.667.786**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.052.374.418	11.768.636.291	(12.755.361.904)	2.065.648.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.037.211.672	-	(1.037.211.672)	-
Thuế thu nhập cá nhân	186.179.074	1.484.007.371	(1.301.236.840)	368.949.605
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.105.050		(5.105.050)	-
Thuế tài nguyên	-	110.554.081	-	110.554.081
Thuế khác	11.352.528	23.035.079	(33.755.539)	632.068
TỔNG CỘNG	**4.292.222.742**	**13.386.232.822**	**(15.132.671.005)**	**2.545.784.559**
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	121.949.921	954.384.290	(1.076.334.211)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.926.126	-	6.926.126
Thuế giá trị gia tăng	78.416.210	3.503.700.176	(205.349.694)	3.376.766.692
TỔNG CỘNG	**200.366.131**	**4.465.010.592**	**(1.281.683.905)**	**3.383.692.818**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lương tháng 13 và thưởng	2.082.448.266	2.045.458.919
Chi phí lãi vay	1.052.867.873	148.089.855
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	54.000.000	539.515.437
Chi phí thuê đất	-	3.285.244.800
Khác	337.769.562	21.060.902
TỔNG CỘNG	**3.527.085.701**	**6.039.369.913**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**65.348.899.880**	**52.811.849.274**
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	58.404.449.161	48.617.121.383
Chi phí lãi vay	3.828.744.206	1.725.295.160
Nhận ký quỹ	1.220.000.000	1.056.500.000
Cổ tức phải trả	238.998.150	245.585.525
Khác	1.656.708.363	1.167.347.206
Dài hạn	**14.002.404.716**	**14.182.404.716**
Bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.083.000.000	2.263.000.000
TỔNG CỘNG	**79.351.304.596**	**66.994.253.990**

21. VAY

VND

	Số đầu năm	*Vay*	*Phân loại lại*	*Trả nợ vay*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**150.803.818.748**	**410.651.835.187**	**(56.134.884.252)**	**(295.850.213.664)**	**209.470.556.019**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 21.1)*	92.751.261.186	211.537.193.121	-	(165.468.169.652)	138.820.284.655
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 21.2)*	19.828.890.000	196.864.750.000	(44.364.750.000)	(124.628.890.000)	47.700.000.000
Vay các bên khác *(Thuyết minh số 21.3)*	25.200.000.000	-	(3.000.000.000)	-	22.200.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	570.194.974	1.962.132.045	-	(2.532.327.019)	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả *(Thuyết minh số 21.4)*	10.713.970.280	287.760.021	(8.770.134.252)	(1.481.324.685)	750.271.364
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả	1.739.502.308	-	-	(1.739.502.308)	
Dài hạn	**90.727.877.249**	**58.673.633.986**	**56.134.884.252**	**(58.423.362.075)**	**147.113.033.412**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 21.4)*	24.094.696.531	4.923.656.733	8.770.134.252	(9.732.731.411)	28.055.756.105
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 21.5)*	32.945.000.000	1.900.000.000	44.364.750.000	(5.800.000.000)	73.409.750.000
Vay các bên khác *(Thuyết minh số 21.6)*	33.688.180.718	51.849.977.253	3.000.000.000	(42.890.630.664)	45.647.527.307
TỔNG CỘNG	**241.531.695.997**	**469.325.469.173**	**-**	**(354.273.575.739)**	**356.583.589.431**

21. VAY (tiếp theo)

21.1 *Vay ngắn hạn ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất*	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk					
Khoản vay 1	69.989.565.704	Từ ngày 24 tháng 2 năm 2022 đến ngày 30 tháng 7 năm 2022	Từ 6,0 đến 7,5	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	38.838.864.074	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2022 đến ngày 26 tháng 8 năm 2022	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	29.991.854.877	Từ ngày 12 tháng 1 năm 2022 đến ngày 25 tháng 5 năm 2022	7,2	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**138.820.284.655**				

21. VAY (tiếp theo)

21.2 *Vay ngắn hạn bên liên quan*

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất %/ năm*	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty TNHH Du lịch TTC					
Khoản vay 1	1.700.000.000	Ngày 8 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần đầu tư Thành Thành Công					
Khoản vay 1	46.000.000.000	Ngày 19 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**47.700.000.000**				

21.3 *Vay ngắn hạn từ các bên khác*

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm VND*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất %/năm*	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2022	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2022	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**22.200.000.000**				

21. VAY (tiếp theo)

21.4 *Vay dài hạn ngân hàng*

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm* VND	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất* %/ năm	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk					
Khoản vay 1	14.433.775.246	Ngày 19 tháng 6 năm 2025	8,5	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 2	9.490.159.184	Ngày 29 tháng 10 năm 2025	8,5	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 3	993.221.601	Ngày 29 tháng 10 năm 2025	8,5	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 4	1.607.106.750	Ngày 22 tháng 4 năm 2025	8,5	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	1.104.133.338	Ngày 8 tháng 2 năm 2028	9,95	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	197.759.986	Ngày 28 tháng 6 năm 2023	9,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải

21. VAY (tiếp theo)

21.4 *Vay dài hạn ngân hàng* (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất*	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình					
Khoản vay 1	229.600.000	Ngày 17 tháng 12 năm 2023	8,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	459.252.321	Ngày 3 tháng 7 năm 2022	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
Khoản vay 1	291.019.043	Ngày 16 tháng 7 năm 2022	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Tài sản khách sạn TTC Hotel – Cần Thơ
	28.806.027.456				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*750.271.364*				
Vay dài hạn	*28.055.756.095*				

21. VAY (tiếp theo)

21.5 *Vay dài hạn từ bên liên quan*

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm* VND	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất* %/năm	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình					
Khoản vay 1	2.700.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 4	2.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 5	1.000.000.000	Ngày 25 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 6	500.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 7	500.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 8	2.800.000.000	Ngày 14 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 9	1.300.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 10	1.900.000.000	Ngày 15 tháng 1 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 11	6.500.000.000	Ngày 9 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 12	1.200.000.000	Ngày 12 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 13	24.650.000.000	Từ ngày 13 tháng 5 năm 2022 đến 29 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp

21. VAY (tiếp theo)

21.5 *Vay dài hạn từ bên liên quan*

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Lãi suất*	*Mục đích*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*		
Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng					
Khoản vay 1	3.694.750.000	Ngày 19 tháng 11 năm 2023	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	300.000.000	Ngày 22 tháng 11 năm 2023	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	8.020.000.000	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2023 đến 31 tháng 12 thăng 2023	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng					
Khoản vay 1	7.345.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	5.400.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
	73.409.750.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	*73.409.750.000*				
Vay dài hạn	-				

21.6 *Vay dài hạn từ các bên khác*

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay từ các nhân viên của Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn từ 6 tháng 1 năm 2023 tới 31 tháng 12 năm 2023, với lãi suất 10,75%/năm và không có tài sản bảo đảm.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.744.907.537	30.744.907.537
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Kết chuyển từ thặng dư vốn	-	(23.000.000.000)	-	23.000.000.000	-
Số cuối năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780
Năm nay					
Số đầu năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.114.179.163	4.114.179.163
Số cuối năm	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	98.998.503.791	1.184.944.105.943

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	972.766.080.000	926.666.080.000
Tăng trong năm	-	46.100.000.000
Số cuối năm	972.766.080.000	972.766.080.000
Cổ tức đã trả	***15.672.250***	***910.000***

22.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm (cổ phiếu)	*Số đầu năm (cổ phiếu)*
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu phổ thông	*97.276.608*	*97.276.608*
Cổ phiếu đang lưu hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu phổ thông	*97.276.608*	*97.276.608*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	111.355.457.361	212.086.613.515
Doanh thu thuần về bán hàng	13.844.084.208	19.170.106.021
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	-	467.515.152
TỔNG CỘNG	**125.199.541.569**	**231.724.234.688**
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với bên thứ ba	*72.712.411.711*	*127.316.451.293*
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	*52.487.129.858*	*104.407.783.395*

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức được chia	29.100.000.000	23.500.000.000
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư trong công ty con	44.350.370.000	7.118.750.000
Lãi tiền gửi, cho vay	9.485.903.981	4.961.836.201
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.400.828	8.652.223
TỔNG CỘNG	**82.938.674.809**	**35.589.238.424**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn dịch vụ cung cấp	110.518.756.004	144.521.561.930
Giá vốn hàng bán	13.363.422.793	17.522.586.631
Giá vốn hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	-	933.028.120
TỔNG CỘNG	**123.882.178.797**	**162.977.176.681**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	29.845.816.613	19.910.619.412
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	4.179.042.890	2.157.295.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.184.216	4.081.437
Khác	28.774	80.053
TỔNG CỘNG	**34.029.072.493**	**22.072.076.410**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5.701.898.411	6.829.685.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.270.256	2.940.000.000
Chi phí quảng cáo	-	1.357.453.355
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.623.752	16.587.077
Chi phí khác	1.408.430.504	1.893.397.793
TỔNG CỘNG	**7.268.222.923**	**13.037.124.204**
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	18.929.044.238	31.003.211.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.146.918.981	3.527.897.616
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.437.608.160	1.540.277.072
Chi phí dự phòng	3.414.969.899	199.724.389
Chi phí khác	6.797.581.841	8.457.802.457
TỔNG CỘNG	**38.726.123.119**	**44.728.913.019**

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**578.537.041**	**8.400.021.622**
Xóa nợ phải trả	-	8.132.524.541
Chi phí bồi thường	4.548.036	16.134.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	370.743.545	127.950.166
Khác	203.245.460	123.412.915
Chi phí khác	**696.976.924**	**728.935.627**
Lỗ từ thanh lý công cụ, dụng cụ	452.597.924	-
Lỗ từ thanh lý tài sản	-	303.206.208
Tiền phạt	-	32.445.285
Khác	244.379.000	393.284.134
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	**(118.439.883)**	**7.671.085.995**

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.592.377.609	132.855.726.050
Chi phí nhân viên	31.664.354.226	49.480.792.688
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	17.522.586.631
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11 và 12)*	6.498.680.817	6.582.881.049
Chi phí nguyên vật liệu	13.363.422.793	4.352.093.734
Chi phí khác	14.757.689.394	9.949.133.752
TỔNG CỘNG	**169.876.524.839**	**220.743.213.904**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.901.117.291
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP	-	(476.756.035)
TỔNG CỘNG	**-**	**1.424.361.256**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.114.179.163**	**32.169.268.793**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	822.835.833	6.433.853.758
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.557.067.468	830.072.969
Cổ tức được chia	(5.820.000.000)	(4.700.000.000)
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	391.441.454	431.459.102
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP *(*)*	-	(476.756.035)
Lỗ chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	2.045.864.905	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(1.094.268.538)
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi chưa ghi nhận thuế hoãn lại	2.790.340	-
Chi phí thuế TNDN	**-**	**1.424.361.256**

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 *Lỗ chuyển sang các năm sau*

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 10.229.324.524 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*
2021	2026	10.229.324.524	-	-	10.229.324.524

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

29.4 *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Khoản mục	*Số tiền*
Chi phí lãi vay	11.032.548.889
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	9.784.246.113
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	13.951.700
TỔNG CỘNG	**20.830.746.702**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ lưu trú	48.184.729	120.752.384
		Bán hàng hóa	3.843.000	-
		Mua hàng hóa	3.471.948	-
		Cung cấp dịch vụ	53.149.514	-
		Dịch vụ khác	865.801	-
		Thanh lý tài sản	3.300.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	24.603.675.159	18.050.640.209
		Cổ tức được chia	15.600.000.000	18.000.000.000
		Dịch vụ tư vấn	18.000.000.000	11.000.000.000
		Bán hàng hóa	3.712.344.900	10.069.679.091
		Lãi cho vay	721.298.630	50.841.095
		Dịch vụ lưu trú	7.722.942	-
		Cung cấp dịch vụ	567.965	-
		Dịch vụ khác	520.510.085	-
		Phí lưu trú	2.712.866.481	-
		Mua hàng hóa	8.497.443	-
		Chi phí khác	2.239.989	-
		Chi phí dịch vu mua ngoài	12.974.545	-
		Chi phí lãi vay	167.341.097	-
		Lãi từ bán công ty con	16.235.500.000	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Dịch vụ tư vấn	9.000.000.000	15.000.000.000
		Phí tư vấn	5.000.000.000	12.000.000.000
		Bán hàng hóa	58.814.799	608.466.982
		Mua hàng hóa	61.903.987	272.000.000
		Lãi vay	4.462.870.927	261.290.166
		Dịch vụ khác	437.536.480	120.153.398
		Dịch vụ lưu trú	1.393.938	-
		Cung cấp dịch vụ	22.942.560	-
		Phí lư trú	13.663.936.747	-
		Chi phí khác	254.677.272	-
		Chi phí dịch vu mua ngoài	21.801.143	-
		Cổ tức được chia	13.500.000.000	-
		Lãi từ bán công ty con	8.545.000.000	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Dịch vụ lưu trú	3.110.087.718	-
		Cung cấp dịch vụ	4.495.204.107	-
		Dịch vụ khác	13.327.273	-
		Mua dịch vụ	770.231.844	-
		Mua hàng hóa	4.800.000	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	11.679.830.047	11.250.102.035
		Lãi cho vay	1.359.853.147	771.738.628
		Bán hàng hóa	271.000	-
		Dịch vụ khác	69.258.182	-
		Chi phí dịch vu mua ngoài	3.022.727	-
		Lãi từ bán công ty con	4.016.150.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	4.263.287.565	8.400.898.535
		Bán hàng hóa	2.000.876.147	3.697.816.038
		Cung cấp dịch vụ	710.909	-
		Dịch vụ khác	76.179.909	-
		Doanh thu hợp tác kinh doanh	306.120.560	-
		Phí lưu trú	31.379.092	-
		Lãi cho vay	4.077.621.376	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi cho vay	323.354.793	216.803.836
		Bán hàng hóa	2.225.201.723	215.735.208
		Chi phí lãi vay	70.421.917	13.463.013
		Dịch vụ lưu trú	5.803.032	-
		Cung cấp dịch vụ	1.094.696	-
		Dịch vụ khác	117.267.000	-
		Mua dịch vụ	1.213.516.911	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Lãi vay	2.967.164.388	2.776.164.378
		Mua dịch vụ	354.710.178	1.899.930.463
		Bán hàng hóa	4.507.618.345	1.625.009.719
		Chi phí thuê văn phòng	693.181.816	1.371.077.224
		Phí lưu trú	3.289.220.803	-
		Mua hàng hóa	29.573.411	-
		Chi phí khác	175.587.295	-
		Chi phí dịch vu mua ngoài	4.004.000	-
		Dịch vụ khác	310.644.000	-
		Dịch vụ tư vấn	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh	654.500.000	1.078.000.000

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Dịch vụ lưu trú	2.375.322	-
		Cung cấp dịch vụ	2.159.037	-
		Chi phí khác	8.272.728	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	1.244.515.068	897.070.082
		Bán hàng hóa	15.782.000	74.406.296
		Mua dịch vụ	1.140.522.758	4.146.364
		Thanh lý tài sản	29.800.000	-
		Mua hàng hóa	3.519.500	-
		Dịch vụ khác	198.476.208	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	148.731.576	33.595.818
		Dịch vụ lưu trú	12.715.147	-
		Dịch vụ khác	90.909	-
		Thanh lý tài sản cố định	2.931.834.364	-
		Chi phí khác	986.207.455	-
		Chi phí lãi vay	1.701.369.864	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi cho vay	1.276.034.245	43.457.534
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	436.364	-
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	61.739.593	-
		Chi phí khác	1.355.466.836	-

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Phụ cấp, lương và thưởng	865.907.428	10.011.478.805

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	902.795.849	14.829.975.680
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	6.988.744.500	9.866.032.063
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	399.282.700	2.987.313.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.848.792.655	1.707.411.971
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	716.265.988	618.484.111
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	51.651.275	530.602.900
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	379.868.419
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	103.145.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	49.674.000	83.209.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	303.664.028	42.200.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	61.739.593	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	76.482.100	-
TỔNG CỘNG			**11.399.092.688**	**31.148.242.144**
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	19.400.000.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	4.090.909.091	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	205.576.897	38.100.104
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	28.519.115.327	-
Công ty Cổ phần Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	24.207.056	-
TỔNG CỘNG			**57.339.808.371**	**44.438.100.104**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Đặt cọc	-	23.505.250.000
		Chi hộ	1.037.890.945	2.295.770.000
		Lãi cho vay	-	10.885.479
		Cổ tức được chia	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cổ tức được chia	-	5.500.000.000
		Chi hộ	11.898.817.601	4.065.801.875
		Lãi cho vay	-	50.841.095
		Đặt cọc	2.860.808.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu nhập từ hợp đồng HTKD	-	1.714.171.477
		Lãi cho vay	-	363.585.645
		Chi hộ	9.996.504.014	65.716.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Lãi cho vay	-	199.835.343
		Chi hộ	2.974.631.190	127.837.500
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi cho vay	1.696.531.663	115.574.795
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	-	21.369.863
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Chi hộ	13.501.370	13.501.370
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	-	8.272.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	-	4.545.455
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Chi hộ	128.003.400	4.114.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Chi hộ	1.277.100	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Chi hộ	224.868.363	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Chi hộ	-	590.000
TỔNG CỘNG			**39.832.833.646**	**38.067.662.625**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	38.770.000.000	33.920.000.000
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cho vay	1.750.000.000	18.990.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	9.600.000.000	12.600.000.000
TỔNG CỘNG			**50.120.000.000**	**65.510.000.000**
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Bến tre	Công ty liên kết	Cho vay	10.750.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	1.471.951.215	16.254.854.079
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	570.687.018	4.773.994.109
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	1.841.253.700	1.120.270.525
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	442.213.200	977.428.690
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	1.600.764.000	614.533.500
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	93.187.000	399.272.098
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	552.009.000	158.558.200
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	242.876.504	-
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	15.200.000	27.290.000
Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo	Cùng chủ sở hữu	Mua dịch vụ	436.364	-
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	789.162.996	-
TỔNG CỘNG			**7.619.740.997**	**24.326.201.201**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	27.529.243	27.529.243
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	5.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	28.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.794.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	10.586.082.227	810.000
TỔNG CỘNG			**44.717.405.470**	**3.528.339.243**
Người mua trả tiền trước dài hạn				
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	12.373.000.000	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Đặt cọc	45.000.000.000	45.000.000.000
		Lãi vay	-	25.401.863
		Thu hộ	219.723.960	24.141.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Đặt cọc	4.000.000.000	2.800.000.000
		Khác	21.514.876	900.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	-	247.186.056
		Thu hộ	4.786.699.019	50.875.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Lãi vay	-	249.315.067
		Thu hộ	1.277.425.212	8.180.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	423.500.000	169.400.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	-	14.764.384
		Thu hộ	855.486.300	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	-	13.463.013
		Thu hộ	83.884.930	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	28.405.000	7.055.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi vay	-	6.440.000
		Thu hộ	6.440.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Thu hộ	1.701.369.864	-
TỔNG CỘNG			**58.404.449.161**	**48.617.121.383**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Vay	-	18.628.890.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	-	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Vay	46.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Vay	1.700.000.000	-
TỔNG CỘNG			**47.700.000.000**	**19.828.890.000**
Phải trả dài hạn khác				
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Nhận bàn giao tài sản	11.690.384.304	11.690.384.304
		Chi hộ	229.020.412	229.020.412
TỔNG CỘNG			**11.919.404.716**	**11.919.404.716**
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Vay	48.650.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Vay	12.745.000.000	12.945.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Vay	12.014.750.000	-
TỔNG CỘNG			**73.409.750.000**	**32.945.000.000**

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	1.076.265.236	1.883.765.236
Từ 1 – 5 năm	557.606.400	602.906.400
Trên 5 năm	3.694.142.400	3.763.843.200
TỔNG CỘNG	**5.328.014.036**	**6.250.514.836**

32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nợ khó đòi đã xử lý		
- *Ông Huỳnh Bá Hưng*	-	*235.000.559*
- *Ông Ngô Đình Long*	-	*207.057.168*
- *Nhà máy điện Hậu Giang*	-	*89.430.165*
- *Ông Trần Ngọc Nam*	-	*86.575.232*
- *Khác*	-	*864.935.290*
Ngoại tệ		
- *USD*	*3.334,79*	*9.071,90*

33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Tổng Giám đốc vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Nguyễn Thị Hồng Liên Người lập	Bùi Tấn Khải Kế toán trưởng	Đặng Đình Việt Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022